

GATE 2023 Physics (PH)

Q. No.	Session	Question Type (QT) MCQ/MSQ/NAT	Subject Name (SN)	Key/Range (KY)	Mark (MK)
1	6	MCQ	GA	B	1
2	6	MCQ	GA	C	1
3	6	MCQ	GA	B	1
4	6	MCQ	GA	D	1
5	6	MCQ	GA	C	1
6	6	MCQ	GA	D	2
7	6	MCQ	GA	A	2
8	6	MCQ	GA	C	2
9	6	MCQ	GA	A	2
10	6	MCQ	GA	D	2
11	6	MCQ	PH	MTA	1
12	6	MCQ	PH	D	1
13	6	MCQ	PH	A	1
14	6	MCQ	PH	A	1
15	6	MCQ	PH	MTA	1
16	6	MCQ	PH	B	1
17	6	MCQ	PH	B	1
18	6	MCQ	PH	B	1
19	6	MCQ	PH	B	1
20	6	MCQ	PH	D	1
21	6	MCQ	PH	B	1
22	6	MCQ	PH	A	1
23	6	MCQ	PH	C	1
24	6	MCQ	PH	D	1
25	6	MCQ	PH	B	1
26	6	MCQ	PH	B	1
27	6	MCQ	PH	B	1
28	6	MSQ	PH	B,C	1
29	6	MSQ	PH	A,C	1
30	6	MSQ	PH	A,B,C	1
31	6	MSQ	PH	A,B,D	1
32	6	MSQ	PH	A,B,D	1
33	6	NAT	PH	45 to 45	1
34	6	NAT	PH	2.20 to 2.36	1
35	6	NAT	PH	0.36 to 0.40	1
36	6	MCQ	PH	C	2
37	6	MCQ	PH	A	2
38	6	MCQ	PH	A	2
39	6	MCQ	PH	A	2
40	6	MCQ	PH	C	2
41	6	MCQ	PH	MTA	2
42	6	MCQ	PH	D	2
43	6	MCQ	PH	D	2
44	6	MCQ	PH	D	2
45	6	MCQ	PH	B	2

46	6	MCQ	PH	C	2
47	6	MCQ	PH	B	2
48	6	MCQ	PH	A	2
49	6	MCQ	PH	C	2
50	6	MCQ	PH	C	2
51	6	MCQ	PH	B	2
52	6	MCQ	PH	A	2
53	6	MCQ	PH	D	2
54	6	MCQ	PH	C	2
55	6	MSQ	PH	A	2
56	6	MSQ	PH	B	2
57	6	MSQ	PH	A,C,D	2
58	6	MSQ	PH	A,C	2
59	6	NAT	PH	MTA	2
60	6	NAT	PH	326.9 to 327.1	2
61	6	NAT	PH	11.0 to 13.7	2
62	6	NAT	PH	4.90 to 4.94	2
63	6	NAT	PH	15 to 15	2
64	6	NAT	PH	0.6 to 0.6	2
65	6	NAT	PH	200 to 200	2

MTA = Marks to All